

Số: 442 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19
(Từ 16h00 ngày 29/3/2022 đến 16h00 ngày 30/3/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 485,7 triệu ca, trên 6,1 triệu ca tử vong.

Trung Quốc ngày 28/3 ghi nhận 6.886 ca nhiễm mới, mức cao nhất kể từ tháng 2/2020 khi dịch bệnh lây lan tại Vũ Hán. Trung Quốc duy trì chính sách "Zero Covid" để không chỉ ngăn chặn lây nhiễm mà còn tiêu diệt hoàn toàn virus gây bệnh ở nước này. Tuy nhiên, trong thời gian từ ngày 1-28/3 khoảng 81.200 ca nhiễm mới trong cộng đồng được ghi nhận tại Trung Quốc đại lục - cao hơn bất cứ tháng nào khác kể từ khi bắt đầu thống kê số liệu vào tháng 1/2020. Đặc khu Hong Kong của Trung Quốc cũng ghi nhận số ca mắc mới gia tăng trong tháng 2, mặc dù cũng áp dụng chính sách Zero Covid.

Trước tình hình dịch bệnh hiện nay, CDC Mỹ đã khuyến cáo người có hệ miễn dịch suy yếu và người trên 50 tuổi cần tiêm mũi vaccine thứ 4 ngừa COVID-19 ít nhất 4 tháng sau mũi tiêm thứ 3. Trước đó, Cơ quan Quản lý dược phẩm và thực phẩm Mỹ (FDA) cũng đã khuyến nghị tiêm mũi thứ 4 vaccine của hãng Pfizer/BioNTech hoặc Moderna cho cùng nhóm đối tượng này. Riêng với người đã tiêm mũi 1 và mũi tăng cường vaccine Janssen của hãng Johnson & Johnson, CDC Mỹ khuyến nghị 4 tháng sau mũi tiêm tăng cường thứ nhất, có thể tiêm mũi tăng cường thứ 2 bằng vaccine sản xuất theo công nghệ mRNA.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 30/3/2022, cả nước ghi nhận 9.472.254 ca mắc, trong đó 9.466.102 ca trong nước. Đến nay đã có 7.153.846 người khỏi bệnh, 42.413 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 9.469.402 ca, trong đó có 9.464.532 ca trong nước, 7.151.029 người đã khỏi bệnh (76,7%), 42.378 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

- Ghi nhận 85.765 ca dương tính, trong đó có 85.759 ca ghi nhận trong nước tại 62 tỉnh thành phố: Hà Nội (8.141), Bắc Giang (3.999), Nghệ An (3.731), Phú Thọ (3.580), Đắk Lắk (3.381), Yên Bái (3.206), Lào Cai (3.081), Lạng Sơn (2.625), Quảng Ninh (2.564), Quảng Bình (2.389), Hà Giang (2.356), Vĩnh Phúc (2.326), Thái Bình (2.067), Sơn La (2.023), Bắc Kạn (1.907), Bắc Ninh (1.854), Hải Dương (1.783), Tuyên Quang (1.747), Hưng Yên (1.735), Cao Bằng (1.640), Cà Mau (1.618), Quảng Trị (1.590), Lâm Đồng (1.530), Vĩnh Long (1.454), Bình Định (1.391), Tây Ninh (1.391), Thái Nguyên (1.341), Hòa Bình (1.328), Hà Nam (1.308), Điện Biên (1.295), Bình Dương (1.210), Lai Châu (1.056), Ninh Bình (1.047), Bình Phước (1.034), Hồ

Chí Minh (984), Bến Tre (899), Hà Tĩnh (784), Đà Nẵng (783), Quảng Ngãi (766), Bà Rịa - Vũng Tàu (712), Nam Định (695), Thừa Thiên Huế (672), Trà Vinh (642), Thanh Hóa (570), Hải Phòng (466), Khánh Hòa (466), Đắk Nông (452), Bình Thuận (423), Phú Yên (320), Quảng Nam (276), Kon Tum (201), An Giang (189), Bạc Liêu (163), Kiên Giang (135), Long An (117), Sóc Trăng (112), Đồng Tháp (54), Đồng Nai (49), Cần Thơ (41), Hậu Giang (29), Ninh Thuận (26), Tiền Giang (5).

- Có 6 ca nhập cảnh ghi nhận tại Hà Nội (2), Bà Rịa - Vũng Tàu (2), Nghệ An (1), An Giang (1).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Đắk Lắk (+667), Lạng Sơn (+646), Bắc Ninh (+398).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Hà Nội (-852), Phú Thọ (-722), Đắk Nông (-567).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 62.336 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 72,7% tổng số mắc trong ngày), tăng 1.078 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 4.386 ca cộng đồng (tăng 888 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 1.466.728 ca.

+ Tỉnh Đắk Lắk: Trong ngày ghi nhận 2.886 ca cộng đồng (tăng 389 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 137.639 ca.

+ Tỉnh Yên Bái: Trong ngày ghi nhận 3.206 ca thông qua sàng lọc (tăng 627 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 110.802 ca.

+ Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 2.517 ca thông qua sàng lọc (giảm 290 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 273.912 ca.

+ Tỉnh Lạng Sơn: Trong ngày ghi nhận 2.472 ca cộng đồng (tăng 578 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 137.718 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Tuyên Quang tăng 2.700 ca, Yên Bái tăng 2.566 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Bắc Ninh (giảm 13.889 ca), TP. Hà Nội (giảm 12.152 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 7.151.029 người đã khỏi bệnh (76,7%), tăng 1.679.138 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 2.161.310 trường hợp, trong đó có 3.639 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 2.920 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 322; (3) Thở máy không xâm lấn: 96; (4) Thở máy xâm lấn: 296; (5) EMO: 5.

- Trong ngày 29/3, ghi nhận 55 trường hợp tử vong (tăng 3 ca so với ngày trước đó), tại: An Giang (4), Bạc Liêu (4), Bình Dương (4), Đồng Nai (4), Kiên Giang (4), Quảng Ninh (4), Gia Lai (3), Lạng Sơn (3), Bình Định (2), Cao Bằng (2), Hà Tĩnh (2), Sóc Trăng (2), Tây Ninh (2), Trà Vinh (2), Vĩnh Long (2), Bắc Giang (1), Bến Tre (1), Cà Mau (1), Cần Thơ (1), Hà Nam (1), Hải Dương (1), Nam Định (1), Nghệ An (1), Quảng Ngãi (1), Quảng Trị (1), TP. Hồ Chí Minh (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Chỉ đạo các địa phương tổ chức tiêm liều nhắc lại vắc xin phòng COVID-19, theo đó người đã tiêm đủ liều cơ bản bằng vắc xin mRNA (vắc xin do Pfizer hoặc

Moderna sản xuất) có thể tiêm liều nhắc lại bằng vắc xin do Astrazeneca sản xuất, thời gian tiêm tối thiểu là 03 tháng sau tiêm mũi cuối cùng của liều cơ bản.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 29/3/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 44.025.214 mẫu cho 87.964.944 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 38.292.050 mẫu tương đương 84.217.005 lượt người, tăng 86.058 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.988.412 mẫu gộp cho 49.443.323 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 30/3/2022 là 230.910.514 triệu liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	31.436.236	33.786.840	13.572.980	19.827.460	386.400	65.223.076
2	Pfizer	50.999.130	41.590.950	36.998.910	4.592.040	0	92.590.080
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	107.435.366	123.475.148	64.669.450	31.942.300	26.863.398	230.910.514
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						205.230.544
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						25.179.970

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 230,9 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 205,2 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 25,2 triệu liều chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin, ngoài ra một lượng lớn vắc xin Pfizer đang chờ được cung ứng nước muối sinh lý pha tiêm đi kèm.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 29/3/2022

Cả nước đã tiêm 205.882.049 liều (trong ngày tiêm được 389.683 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 100,3% số vắc xin phân bổ 135 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng¹	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	99,7%	48,4%**
Trẻ em (12-17 tuổi)	99,7%	94,9%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

(**): Đến ngày 31/3/2022, ước tính có khoảng 60% đối tượng từ 18 tuổi trở lên đến lịch tiêm mũi 3. Đến hết ngày 29/3/2022, đã tiêm được cho 82% số đối tượng từ 18 tuổi trở lên đến lịch tiêm mũi 3; số còn lại chưa tiêm mũi 3 vì một số lý do sau:

- Số lượng người mắc COVID-19 tăng cao, trùng với thời điểm cần tiêm mũi 3, do đó có sự trì hoãn tiêm chủng.

- Một bộ phận người dân đã tiêm 2 liều vắc xin sau khi mắc COVID-19 và bình phục có xu hướng không tiêm tiếp mũi 3 vì cho rằng đã có miễn dịch tự nhiên sau khi mắc bệnh.

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 188.703.155 liều:

+ Mũi 1: 71.233.025 liều

+ Mũi 2: 69.529.651 liều ; Mũi bổ sung: 14.902.166 liều.

+ Mũi 3: 33.038.313 liều

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.178.894 liều:

+ Mũi 1: 8.801.016 liều

+ Mũi 2: 8.377.878 liều.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Dù dịch bệnh trên thế giới còn diễn biến phức tạp nhưng Việt Nam đến nay đã kiểm soát tốt dịch bệnh, tỷ lệ mắc bệnh nặng, tử vong liên tục giảm sâu trong thời gian qua và đến nay tỷ lệ tử vong ở mức thấp so với các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Về công tác y tế:

(1) Triển khai bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên. Trước mắt tiêm vắc xin phòng COVID-19 miễn phí cho người dân; sau khi tiêm đủ liều bổ sung, từng bước nghiên cứu cơ chế tiêm vắc xin dịch vụ sau khi tiêm đủ 3 mũi

(2) Nâng cao năng lực tư vấn, hỗ trợ điều trị COVID-19, dự phòng cơ sở thuốc kháng vi rút, thuốc hỗ trợ điều trị COVID-19, vật tư y tế cần thiết... tại các trạm y tế phường, xã, trạm y tế lưu động nhằm đáp ứng nhu cầu tự điều trị COVID-19 tại nhà của

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

người dân và giảm tải cho các cơ sở y tế, bệnh viện tuyến trên. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn hỗ trợ người dân tự điều trị tại nhà”.

(3) Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vì rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu. Phân bổ đủ thuốc kháng vi rút để phục vụ công tác điều trị người bệnh COVID-19. Khuyến khích thành lập các mô hình đội tình nguyện; huy động sự tham gia của các tổ chức tôn giáo, tình nguyện viên... để tổ chức triển khai hoạt động chăm sóc F0 dựa vào cộng đồng; về cơ bản chuyển điều trị tại cộng đồng.

(4) Tăng cường đảm bảo an toàn phòng, chống dịch trong các khu công nghiệp, trường học; kiểm tra phòng, chống dịch tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhất là tại bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe...

(5) Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị khẩn trương nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

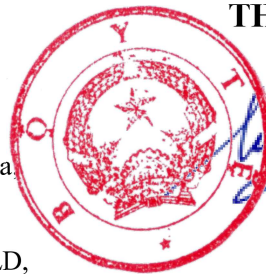
2. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm, hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP và Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022; linh hoạt tăng cấp độ phòng, chống dịch (từ cấp độ 3 lên cấp độ 4) ở một số khu vực có diễn biến dịch phức tạp để nhanh chóng kiểm soát tình hình, ngăn chặn hiệu quả lây nhiễm. Thực hiện hiệu quả nguyên tắc: 5K+ vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân.

3. Tiếp tục vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm và mọi tầng lớp nhân dân tham gia hỗ trợ công tác phòng, chống dịch COVID-19. Đẩy mạnh công tác nắm tình hình tại cơ sở trong phòng, chống dịch, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 29/3	Số mắc ngày 30/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 30/3	Số tử vong tích lũy đến 29/3
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		88.376	85.759	- 2.617	9.464.330	42.378
1	Hà Nội	8.993	8.141	-852	1.466.728	1.208
2	Hồ Chí Minh	734	984	250	593.661	20.468
3	Nghệ An	3.817	3.731	-86	388.472	136
4	Bình Dương	1021	1210	189	375.739	3.447
5	Hải Dương	1.986	1.783	-203	341.194	109
6	Vĩnh Phúc	2710	2326	-384	324.191	19
7	Bắc Ninh	1.456	1.854	398	323.271	131
8	Bắc Giang	4047	3999	-48	312.143	88
9	Quảng Ninh	2598	2564	-34	293.093	125
10	Nam Định	812	695	-117	284.909	146
11	Phú Thọ	4302	3580	-722	273.912	78
12	Hưng Yên	1769	1735	-34	212.558	5
13	Thái Bình	2176	2067	-109	203.424	21
14	Hòa Bình	1470	1328	-142	193.514	102
15	Thái Nguyên	1502	1341	-161	165.403	102
16	Lào Cai	2958	3081	123	148.973	33
17	Cà Mau	1977	1618	-359	140.767	347
18	Lạng Sơn	1979	2625	646	137.718	73
19	Đắc Lắc	2714	3381	667	137.639	152
20	Sơn La	2053	2023	-30	135.397	
21	Thanh Hóa	561	570	9	132.418	102
22	Tuyên Quang	1854	1747	-107	131.755	13
23	Bình Định	1290	1391	101	128.135	270
24	Tây Ninh	1572	1391	-181	127.246	864
25	Hải Phòng	522	466	-56	115.574	135
26	Khánh Hòa	625	466	-159	114.602	344
27	Bình Phước	657	1034	377	109.491	213
28	Yên Bái	3232	3206	-26	110.802	11
29	Đồng Nai	31	49	18	105.952	1.826
30	Quảng Bình	2217	2389	172	104.242	73
31	Hà Giang	2391	2356	-35	103.613	77
32	Đà Nẵng	752	783	31	93.227	323
33	Ninh Bình	823	1047	224	89.965	88
34	Bến Tre	899	899	0	89.074	438
35	Vĩnh Long	1165	1454	289	88.943	799
36	Điện Biên	1240	1295	55	78.982	17
37	Lâm Đồng	1614	1530	-84	78.673	119
38	Cao Bằng	1937	1640	-297	78.721	44
39	Hà Nam	1312	1308	-4	72.173	59
40	Quảng Trị	1437	1590	153	70.081	35
41	BRVT	801	712	-89	67.187	479
42	Lai Châu	1424	1056	-368	63.007	
43	Trà Vinh	738	642	-96	62.456	278
44	Đồng Tháp	90	54	-36	49.786	982
45	Bình Thuận	485	423	-62	49.345	459

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 29/3	Số mắc ngày 30/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 30/3	Số tử vong tích lũy đến 29/3
46	Cần Thơ	61	41	-20	48.831	929
47	Gia Lai			0	48.456	97
48	Bắc Kạn	2009	1907	-102	50.066	20
49	Phú Yên	625	320	-305	47.742	121
50	Đắk Nông	1019	452	-567	47.688	43
51	Long An	148	117	-31	47.132	990
52	Bạc Liêu	202	163	-39	44.812	445
53	Quảng Nam	284	276	-8	43.359	132
54	T.T.Huế	678	672	-6	41.098	172
55	An Giang	174	189	15	39.342	1.364
56	Quảng Ngãi	901	766	-135	39.444	119
57	Hà Tĩnh	826	784	-42	39.016	41
58	Kiên Giang	155	135	-20	38.141	969
59	Tiền Giang	81	5	-76	36.097	1.220
60	Sóc Trăng	47	112	65	34.062	602
61	Kon Tum	358	201	-157	25.194	
62	Hậu Giang	20	29	9	17.304	219
63	Ninh Thuận	45	26	-19	8.390	57
14 ngày qua không có lấy nhiệm vụ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	88.376	85.759	-2.617	9.464.532	42.378

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 29/3/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 135 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.231.781	6.004.298	0	233.050	4.218.655	702.866	678.928	18.069.578	101,8%
2	Hải Phòng	4.421.396	1.696.526	1.619.633	0	559.479	344.028	173.514	174.432	4.567.612	103,3%
3	Thái Bình	3.160.320	1.161.207	1.197.599	98.559	290.183	453.204	153.136	146.961	3.500.849	110,8%
4	Nam Định	3.209.500	1.149.220	1.133.167	0	57.360	892.548	158.398	156.097	3.546.790	110,5%
5	Hà Nam	1.823.260	584.206	574.361	0	276.820	275.211	71.440	69.249	1.851.287	101,5%
6	Ninh Bình	1.741.280	675.426	668.271	0	235.215	315.978	82.166	78.443	2.055.499	118,0%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	422.017	1.478.648	283.977	281.834	7.107.109	91,9%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.080.374	149.985	149.460	4.133.366	111,7%
9	Bắc Ninh	3.119.990	1.137.320	1.095.054	0	360.434	503.891	115.781	108.900	3.321.380	106,5%
10	Phú Thọ	2.482.660	1.003.167	1.000.799	0	287.369	414.578	130.499	126.587	2.962.999	119,3%
11	Vĩnh Phúc	2.302.560	795.382	774.296	0	242.974	402.059	116.489	113.078	2.444.278	106,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
12	Hải Đương	3.317.176	1.336.168	1.284.768	5.429	101.291	546.260	157.247	155.092	3.586.255	108,1%
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	307.914	358.790	110.591	110.075	2.508.999	102,1%
14	Thái Nguyên	2.407.650	915.131	888.549	12.792	207.410	298.946	109.752	107.816	2.540.396	105,5%
15	Bắc Cạn	600.140	220.245	218.042	0	13.927	99.992	25.516	24.579	602.301	100,4%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.013.444	987.870	0	21.625	900.410	124.328	120.979	3.168.656	96,6%
17	Hoà Bình	1.655.130	556.265	531.153	758	241.808	182.554	76.353	72.757	1.661.648	100,4%
18	Nghệ An	5.647.240	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	110,5%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	802.794	737.965	0	271.495	182.935	113.667	111.801	2.220.657	97,8%
20	Lai Châu	785.810	257.125	247.058	529	108.460	100.403	54.403	48.453	816.431	103,9%
21	Lạng Sơn	1.741.530	511.326	502.486	0	0	429.950	66.528	62.859	1.573.149	90,3%
22	Tuyên Quang	1.425.200	493.360	490.620	0	40.926	309.527	70.237	67.026	1.471.696	103,3%
23	Hà Giang	1.732.720	490.448	477.833	529	196.406	229.659	89.181	85.970	1.570.026	90,6%
24	Cao Bằng	995.520	350.807	332.557	0	73.189	127.048	45.548	41.433	970.582	97,5%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
25	Yên Bái	1.640.754	518.285	509.023	0	265.365	214.188	79.970	76.019	1.662.850	101,3%
26	Lào Cai	1.539.820	467.310	456.657	0	256.938	139.403	81.471	75.581	1.477.360	95,9%
27	Sơn La	1.844.940	741.132	704.530	2.334	0	352.471	143.170	132.763	2.076.400	112,5%
28	Điện Biên	1.142.760	337.457	320.684	0	232.382	92.862	76.484	63.854	1.123.723	98,3%
Cộng miền Bắc		85.931.396	29.784.547	28.987.655	910.213	6.034.558	15.563.200	3.843.835	3.708.978	88.832.986	103,4%
29	Quảng Bình	1.562.332	537.800	521.674	0	168.871	176.657	80.555	73.254	1.558.811	99,8%
30	Quảng Trị	1.306.372	433.514	416.729	10.601	65.595	223.239	64.942	60.562	1.275.182	97,6%
31	TT- Huế	2.428.386	787.298	767.143	0	276.901	311.939	104.256	98.609	2.346.146	96,6%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	865.172	856.271	0	82.194	630.225	102.158	99.989	2.636.009	105,6%
33	Quảng Nam	3.189.860	1.079.085	1.042.429	32.417	399.794	305.485	132.605	130.337	3.122.152	97,9%
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.824	809.662	0	117.771	467.352	113.712	111.101	2.472.422	89,7%
35	Bình Định	2.974.270	1.049.828	1.016.488	53.906	360.703	346.485	141.431	139.288	3.108.129	104,5%
36	Phú Yên	1.732.454	626.695	599.328	508	78.475	277.822	85.722	81.605	1.750.155	101,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
37	Khánh Hòa	2.757.854	979.700	952.919	0	395.584	353.763	122.089	115.526	2.919.581	105,9%
38	Ninh Thuận	1.233.610	432.361	403.535	0	153.833	173.347	61.761	59.030	1.283.867	104,1%
39	Bình Thuận	2.720.780	915.237	887.896	7.207	271.797	181.648	132.154	128.046	2.523.985	92,8%
Cộng miền Trung		25.156.914	8.559.514	8.274.074	104.639	2.371.518	3.447.962	1.141.385	1.097.347	24.996.439	99,4%
40	Kon Tum	1.026.100	321.449	320.436	10.696	94.614	113.718	58.967	55.533	975.413	95,1%
41	Gia Lai	2.759.482	996.091	922.137	79.593	216.022	293.075	167.610	145.125	2.819.653	102,2%
42	Đắk Lắk	3.430.970	1.259.808	1.200.852	0	519.064	266.926	178.061	164.158	3.588.869	104,6%
43	Đắk Nông	1.288.580	403.252	399.562	0	211.444	137.200	68.070	65.742	1.285.270	99,7%
Cộng Tây Nguyên		8.505.132	2.980.600	2.842.987	90.289	1.041.144	810.919	472.708	430.558	8.669.205	101,9%
44	TP. HCM	20.329.820	7.395.671	6.682.081	0	680.069	4.234.750	728.899	684.267	20.405.737	100,4%
45	BR-VT	2.756.626	971.107	911.315	0	24.768	639.952	110.539	109.284	2.766.965	100,4%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.722.305	2.360.095	0	174.699	626.576	284.677	274.559	6.442.911	96,7%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
47	Tiền Giang	3.821.466	1.325.352	1.279.487	131.185	105.278	800.977	156.908	158.116	3.957.303	103,6%
48	Long An	4.337.696	1.501.535	1.465.071	0	22.864	1.142.790	171.747	157.212	4.461.219	102,8%
49	Lâm Đồng	2.991.030	982.791	966.355	0	526.500	241.645	138.865	120.218	2.976.374	99,5%
50	Tây Ninh	2.606.794	948.905	895.623	0	32.471	507.711	109.066	100.641	2.594.417	99,5%
51	Cần Thơ	2.766.418	944.527	944.056	6.003	342.838	298.303	110.222	102.757	2.748.706	99,4%
52	Sóc Trăng	2.583.664	899.036	865.520	0	670.511	48.563	116.852	111.026	2.711.508	104,9%
53	An Giang	4.085.900	1.373.855	1.356.247	191.486	472.154	349.455	206.891	192.050	4.142.138	101,4%
54	Bến Tre	3.005.278	1.023.950	1.011.243	0	474.681	268.477	106.936	104.910	2.990.197	99,5%
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	493.521	98.456	90.955	2.081.353	99,2%
56	Vĩnh Long	2.337.120	778.900	764.904	0	290.632	338.787	92.890	88.112	2.354.225	100,7%
57	Đồng Tháp	3.659.806	1.160.481	1.200.662	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.346.514	91,4%
58	Bình Dương	6.422.152	2.633.972	2.196.314	0	163.789	1.304.378	199.855	167.983	6.666.291	103,8%
59	Bình	2.267.174	753.354	722.518	0	215.205	250.817	109.584	100.949	2.152.427	94,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
	Phước										
60	Kiên Giang	3.790.150	1.238.102	1.174.115	68.630	0	485.416	167.347	159.082	3.292.692	86,9%
61	Cà Mau	2.492.410	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	96,9%
62	Bạc Liêu	1.624.224	568.594	560.547	0	180.616	215.302	88.826	86.197	1.700.082	104,7%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.738	514.703	0	253.756	133.052	74.042	71.613	1.579.904	103,3%
Cộng miền Nam		82.169.708	29.273.836	27.365.071	397.452	5.454.946	12.810.634	3.343.088	3.140.995	81.786.022	99,5%

Ghi chú:

- 173.250 liều vắc xin Moderna đợt 134 và 286.518 liều vắc xin Pfizer đợt 135 có Quyết định phân bổ ngày 18/3/2022
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 67.130 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.461.138 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 367.135 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 29/3/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	77,4%	100,0%	100,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	23,8%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	93,3%	96,2%	36,4%	100,0%	98,0%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	99,2%	97,8%	77,0%	99,5%	98,0%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,4%	93,8%	45,0%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	100,0%	100,0%	47,5%	100,0%	95,9%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	67,1%	99,5%	98,7%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	84,4%	100,0%	99,6%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,2%	95,5%	43,9%	99,2%	93,3%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,3%	99,0%	41,0%	100,0%	98,3%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	98,0%	50,9%	100,0%	97,5%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,4%	95,6%	40,6%	99,8%	98,4%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	43,4%	98,0%	97,6%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,8%	32,6%	100,0%	99,9%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	100,0%	99,0%	45,4%	100,0%	97,5%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	99,3%	96,8%	88,3%	100,0%	99,5%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	97,6%	93,2%	32,0%	100,0%	98,7%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	92,8%	23,0%	98,5%	96,9%
20	Lai Châu	261.410	52.540	98,4%	94,5%	38,4%	100,0%	92,2%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	99,2%	84,9%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	63,4%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	100,0%	97,5%	46,9%	99,2%	95,6%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,1%	90,1%	34,4%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,8%	42,0%	100,0%	96,0%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	31,3%	100,0%	94,6%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	95,6%	47,8%	100,0%	93,7%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99,5%	94,5%	27,4%	100,0%	94,5%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.786.256	100,0%	100,0%	54,0%	100,0%	98,0%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,3%	96,3%	32,6%	100,0%	92,1%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,6%	91,9%	49,2%	99,1%	92,4%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,4%	40,0%	100,0%	95,6%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,8%	96,7%	71,2%	99,9%	97,8%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	99,3%	95,9%	28,1%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	95,0%	54,8%	99,0%	96,7%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,1%	91,2%	31,1%	96,5%	95,1%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,5%	92,3%	42,8%	100,0%	95,2%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	100,0%	37,1%	95,0%	90,0%
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,5%	42,3%	100,0%	100,0%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,4%	20,1%	100,0%	99,3%
Cộng miền Trung		8.629.332	1.152.519	99,2%	95,9%	40,0%	99,0%	95,2%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,9%	94,6%	33,6%	97,1%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	97,1%	30,8%	100,0%	87,2%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,5%	94,8%	21,1%	95,9%	88,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,7%	33,9%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	481.800	100,0%	96,1%	27,4%	98,1%	89,4%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,9%	62,0%	87,6%	82,3%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,3%	66,9%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,8%	25,2%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,4%	61,6%	99,0%	99,7%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	78,7%	100,0%	93,8%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,4%	24,9%	100,0%	91,2%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,8%	53,2%	100,0%	97,4%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,6%	99,6%	31,5%	97,8%	91,1%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	100,2%	98,9%	25,5%	100,0%	96,6%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,6%	97,3%	25,8%	100,0%	100,0%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	70,7%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,5%	44,1%	100,0%	96,1%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,4%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.066.553	180.024	100,0%	100,0%	63,1%	100,0%	93,3%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,3%	95,2%	33,1%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,6%	40,8%	96,8%	92,0%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	97,9%	37,6%	97,8%	94,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,4%	96,0%	24,8%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		27.828.051	3.406.718	100,0%	98,3%	46,0%	100,0%	92,2%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 29/3/2022 đến 16h00 ngày 30/3/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.741 lượt người (nhập cảnh: 2.253, xuất cảnh: 2.488).
- + Tuyến VN-TQ: 417 lượt người (nhập cảnh: 199, xuất cảnh: 218).
- + Tuyến VN-Lào: 2.158 lượt người (nhập cảnh 1.071, xuất cảnh: 1.087).
- + Tuyến VN-CPC: 2.166 lượt người (nhập cảnh 983; xuất cảnh: 1.183).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 1.207 người trong đó:
- + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 1.085 người (VN-TQ: 01; VN-Lào: 92, VN-CPC: 992).
- + Số người nhập cảnh trái phép: 100 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 100).
- + Số người trao trả: 22 người (VN-TQ: 22; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 28/3/2022 tới ngày 29/3/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 2.757 lượt người (nhập cảnh: 1.899 lượt người; xuất cảnh: 858 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 4.849 lượt người (nhập cảnh: 2.157 lượt người; xuất cảnh: 2.692 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 30/3, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 33 tin/bài tiếng Việt; 41 ảnh trong nước và quốc tế; 13 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 03 đồ họa về tình hình dịch bệnh COVID-19 và kết quả tiêm vaccine phòng COVID-19 ở Việt Nam.

Thông tin của TTXVN tập trung thông tin về chỉ đạo của Chính phủ về kinh phí cho công tác phòng, chống dịch năm 2022, công tác chuẩn bị tiêm vaccine cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi, khôi phục các hoạt động kinh tế - xã hội, xử lý các hành vi vi phạm quy định về phòng, chống dịch...

Các đơn vị và Cơ quan thường trú ngoài nước của TTXVN tiếp tục cập nhật diễn biến dịch bệnh ở trong nước và trên thế giới, một số nước xem xét việc triển khai mũi tiêm tăng cường thứ 4, các nghiên cứu về dịch bệnh và việc tiêm vaccine ngừa COVID-19...

TTXVN đã lập các chuyên trang thông tin về dịch bệnh COVID-19 tại địa chỉ: <https://ncov.vnnet.vn/> và <https://covid19.vnnet.vn;> đồng thời phổ biến thông tin trên các trang mạng xã hội của TTXVN bằng nhiều ngôn ngữ, được Facebook xác thực,

đặc biệt là fanpage (bản tiếng Việt) tại địa chỉ:
www.facebook.com/ThongtanxaVietNam.

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 28/3, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.518.000 cuộc gọi (ngày 28/3 đã tiếp nhận và xử lý hơn 3 nghìn cuộc gọi).

18/3	19/3	20/3	21/3	22/3	23/3	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3
5835	5095	4094	4337	3910	4140	4155	3589	3136	2447	3125

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 28/3/2022 đã tiếp nhận hơn 313 nghìn cuộc (ngày 29/3/2022 đã tiếp nhận 29 cuộc).

Tiêu chí	18/3	19/3	20/3	21/3	22/3	23/3	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3
Cuộc gọi đến	32	27	23	26	29	32	36	31	23	22	29

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 42.793.227, chiếm 44,61% dân số, 64,17% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.784.282 điểm đăng ký

+ Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 273.320.103

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 205.495.812

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 192.421.070

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,64%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.587.740

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCĐ Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

- Tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương: tiêm phủ vắc-xin cho người dân; tuyên truyền hướng dẫn người dân không lơ là, chủ quan với tâm lý “ai rồi cũng là F0”...

- Tiếp tục hướng dẫn, khuyến cáo việc điều trị F0, cách sử dụng các loại thuốc an toàn; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Bộ Y tế yêu cầu Sở Y tế các tỉnh, thành phố phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, lập danh sách tiêm cho trẻ đang đi học từ lớp 1 đến lớp 6. Đối với trẻ chưa đi học, Sở Y tế phối hợp với chính quyền địa phương lập danh sách xây dựng kết hoạch, chuẩn bị đủ điều kiện tiêm chủng để có thể triển khai ngay khi được phân bổ vắc-xin.

- Bộ Y tế ban hành quyết định hướng dẫn chăm sóc, quản lý tại nhà đối với phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú và trẻ sơ sinh mắc COVID-19.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và một số địa phương:

- Thành phố Hồ Chí Minh: Đã chuẩn bị các bước tiêm vắc-xin cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi, như tập huấn về khám sàng lọc, tiêm chủng, nhập liệu... Hiện Thành phố đã lập xong danh sách với khoảng 900.000 trẻ. Ngoài điểm tiêm ở các trường học, Thành phố sẽ có các điểm tiêm lưu động. Khi tiêm chủng, cha mẹ hoặc người giám hộ cho trẻ em phải ký giấy đồng ý tiêm cho trẻ.

- Hà Nội:

+ Lãnh đạo Thành phố quán triệt sâu sắc quan điểm là không chủ quan, lơ là trong phòng, chống dịch; xác định rõ đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, trước hết là của cấp ủy chính quyền, nhất là người đứng đầu.

+ Các đơn vị chức năng của Thành phố phối hợp tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ cho các lực lượng phòng, chống dịch, trong đó có hàng nghìn người tham gia các tổ COVID-19 cộng đồng, các tổ hỗ trợ theo dõi người nhiễm COVID-19 điều trị tại nhà.

+ Ngành Y tế chuẩn bị, bảo đảm sẵn sàng phương án, tổ chức diễn tập tiêm vắc-xin cho trẻ 5 đến dưới 12 tuổi, để khi có thuốc, có phác đồ là triển khai tiêm nhanh, hiệu quả.

- Bắc Ninh: UBND tỉnh Bắc Ninh cho phép hoạt động trở lại trong trạng thái bình thường mới đối với các dịch vụ có điều kiện; các dịch vụ ăn uống; các hoạt động thể dục thể thao; các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch; các sự kiện văn hóa.

- Yên Bái: Thời gian qua, xuất hiện một số bộ phận người dân có tâm lý đã tiêm vắc-xin nên bệnh sẽ nhẹ, rồi buông xuôi, thả lỏng, chủ quan, không ít người khi bày tỏ quan điểm “ai rồi cũng trở thành F0” hay “đằng nào rồi cũng dính”. Trên thực tế, các cơ sở y tế của tỉnh ghi nhận nhiều trường hợp bị tái nhiễm hoặc bệnh nhân “hậu COVID-19” có các triệu chứng ảnh hưởng đến sức khỏe và khả năng lao động.

- Nam Định: Ngành y tế và các địa phương đang tập trung lực lượng, phương tiện, tranh thủ thời gian, tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia tiêm chủng nhằm hoàn thành mục tiêu tiêm phủ vắc-xin trên địa bàn.